TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ C1** **TỈNH KHÁNH HÒA**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc Lập – Tự Do – Hạnh Phúc**

Bản án số: 08/2019/DS-ST
Ngày 31/5/2019
"V/v tranh chấp hợp đồng vay tài sản"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ C1 - TỈNH KHÁNH HÒA

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông **Trương Văn Vương**

Các Hội thẩm nhân dân :

1. Ông **Đặng Ngọc Hương**
2. Ông **Nguyễn Lý Xuyên**

- Thư ký phiên tòa: Bà **Nguyễn Thị Thảo** – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố C1, tỉnh Khánh Hòa.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố C1, tỉnh Khánh Hòa tham gia phiên tòa: Ông **Bùi Văn Khánh** – Kiểm sát viên

Ngày 31 tháng 5 năm 2019, tại trụ sở Tòa án Nhân dân thành phố C1, tỉnh Khánh Hòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 139/2018/TLST-DS ngày 18/12/2018 về việc "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 12/2019/QĐXXST-DS ngày 26 tháng 4 năm 2019; Quyết định hoãn phiên tòa số 12/2019/QĐST-DS ngày 16 tháng 5 năm 2019, giữa các đương sự:

***Nguyên đơn*: Bà Trần Thị L** - sinh năm 1959.

Nơi cư trú: TDP H 3, phường C, thành phố C1, Khánh Hòa.

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn là bà **Nguyễn Thị Minh T** - sinh năm 1985;

Nơi cư trú: TDP N, phường B, TP C1, tỉnh Khánh Hoà;

(Giấy ủy quyền: Số công chứng: 9240, quyển số 01TP/CC-SCC/HĐGD ngày 24/10/2018). *(Vắng mặt).*

***Bị đơn*: - Bà Trần Thị H** – sinh năm 1962.

Chỗ ở hiện nay: TDP N, phường C, TP C1, tỉnh Khánh Hòa. *(Vắng mặt).*

- Ông Lê Văn C – sinh năm 1962.

Nơi cư trú: Thôn H, xã C, TP C1, tỉnh Khánh Hòa. *(Vắng mặt).*

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện về "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản" ngày 12/10/2017, và trong qua trình giải quyết vụ án nguyên đơn bà Trần Thị L và người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn là bà Nguyễn Thị Minh T trình bày:

Do có quen biết bà Trần Thị L có cho vợ chồng ông Lê Văn C và bà Trần Thị H vay tiền nhiều lần để nuôi trồng thủy sản, khi vay tiền của bà L, ông C và bà H cùng đến vay và nhận tiền. Do tin tưởng nên bà L chỉ yêu cầu bà H viết giấy nợ. Vợ chồng ông C và bà H cam kết đến ngày 15/9/2017, vợ chồng ông, bà thu hoạch thủy sản sẽ trả lại cho bà L. Tuy nhiên đến hạn trả vợ chồng ông C và bà H không thực hiện nghĩa vụ thanh toán cho bà L, bà L đã nhiều lần đến gặp vợ chồng ông C và bà H yêu cầu trả hết số nợ trên, nhưng ông C và bà H cứ lẩn tránh không chịu trả gây khó khăn cho bà L. Cụ thể bà H và ông C đã vay bà L số tiền với thời gian như sau: Ngày 21/6/2017 (ngày 27/5/2017 âm lịch) vay 60.000.000 đồng (*sáu mươi triệu đồng*); Ngày 25/6/2017 (ngày 02/6/2017 âm lịch) vay 20.000.000 đồng (*hai mươi triệu đồng*); Ngày 02/7/2017 (ngày 09/6/2017 âm lịch) vay 30.000.000 đồng (*ba mươi triệu đồng*); Ngày 04/7/2017 (ngày 11/6/2017 âm lịch) vay 20.000.000 đồng (*hai mươi triệu đồng*); Ngày 05/9/2017 (ngày 15/7/2017 âm lịch) vay 8.000.000 đồng (*tám triệu đồng*). Tổng cộng ông C, bà H đã vay của bà L số tiền vay 138.000.000 đồng (*một trăm ba mươi tám triệu đồng*).

Nay người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn bà Nguyễn Thị Minh T yêu cầu Toà án giải quyết buộc vợ chồng ông C và bà H phải trả ngay cho bà Trần Thị L với số tiền nợ là 138.000.000 đồng (*một trăm ba mươi tám triệu đồng*), bà L không yêu cầu tiền lãi.

Tại bản tự khai ngày 02/4/2018 bị đơn bà Trần Thị H trình bày:

Do có mối quan hệ quen biết với bà Trần Thị L, bà H có vay của bà L nhiều lần để nuôi trồng thủy sản với số tiền và thời gian cụ thể như sau: Ngày 21/6/2017 (ngày 27/5/2017 âm lịch) vay 60.000.000 đồng (*sáu mươi triệu đồng*); Ngày 25/6/2017 (ngày 02/6/2017 âm lịch) vay 20.000.000 đồng (*hai mươi triệu đồng*); Ngày 02/7/2017 (ngày 09/6/2017 âm lịch) vay 30.000.000 đồng (*ba mươi triệu đồng*); Ngày 04/7/2017 (ngày 11/6/2017 âm lịch) vay 20.000.000 đồng (*hai mươi triệu đồng*). Tổng cộng bà H đã vay của bà L số tiền là 130.000.000 đồng (*một trăm ba mươi triệu đồng*). Các giấy mượn tiền mà bà L đã nộp cho Tòa án bà xác nhận là đúng. Đối với số tiền vay 8.000.000 đồng trong giấy ghi nợ ngày 05/9/2017 (ngày 15/7/2017 âm lịch) thực tế là tiền lãi nhưng bà H đồng ý trả số tiền trên. Trong quá trình trả nợ cho bà L, nhưng vì hoàn cảnh khó khăn, làn ăn thua lỗ nên bà không trả được tiền cho bà L như đã cam kết. Số tiền vay trên là do một mình bà H vay tiền để nuôi trồng thủy sản, không liên quan gì đến ông Lê Văn C, giữa vợ chồng bà H và ông C đã ly hôn từ năm 2009, nên việc vay tiền ông C hoàn toàn không biết. Bà H đồng ý một mình bà trả cho bà L tiền nợ là 138.000.000 đồng (*một trăm ba mươi tám triệu đồng*).

Tuy nhiên do không có khả năng thanh toán một lần nên bà H yêu cầu được thanh toán số tiền trên, cụ thể như sau: Tháng 8/2019 (âm lịch) thanh toán 50.000.000đ (năm mươi triệu đồng); số tiền còn lại bà H sẽ trả dần.

Tại biên bản lấy lời khai ngày 16/01/2019, ông Lê Văn C trình bày: Trước đây ông C và bà Trần Thị H là vợ chồng tuy nhiên ông bà đã ly hôn từ năm 2008 ông C không nhớ rõ thời gian, từ khi ly hôn ông C và bà H không sống cùng nhau, ông C không biết bà Trần Thị L - sinh năm 1959; nơi cư trú: Tổ dân phố H 3, phường C, thành phố C1, Khánh Hòa là ai và ông không có quan hệ vay mượn tài sản gì với bà L. Việc bà L khởi kiện bà H và ông C, ông C khẳng định ông không vay của bà L một đồng nào, nên ông C không đồng ý yêu cầu của bà L.

Kiểm sát viên tham gia phiên tòa có ý kiến:

- Việc tuân theo pháp luật của Tòa án: Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký phiên tòa đã chấp hành đúng quy định của pháp luật trong quá trình tiến hành giải quyết vụ án.

- Việc tuân theo pháp luật của các đương sự: Nguyên đơn bà Trần Thị L, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn là bà Nguyễn Thị Minh T đã chấp hành đúng quy định của pháp luật về quyền và nghĩa vụ của đương sự. Riêng đối với bà Trần Thị H đã vi phạm quy định về nghĩa vụ của đương sự theo quy định tại Điều 70 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015.

- Về hướng giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn bà Trần Thị L. Buộc bà Trần Thị H phải trả cho bà Bà Trần Thị L số tiền còn nợ là 138.000.000 đồng (một trăm ba mươi tám triệu đồng). Không yêu cầu tiền lãi.

Tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án:

- Bản gốc giấy mượn tiền đề ngày 21/6/2017 (ngày 27/5/2017 âm lịch)

- Bản gốc giấy mượn tiền đề ngày 25/6/2017 (ngày 02/6/2017 âm lịch)

- Bản gốc giấy mượn tiền đề ngày 02/7/2017 (ngày 09/6/2017 âm lịch)

- Bản gốc giấy mượn tiền đề ngày 04/7/2017 (ngày 11/6/2017 âm lịch)

- Bản gốc giấy mượn tiền đề ngày 05/9/2017 (ngày 15/7/2017 âm lịch)

- Bản sao sổ hộ khẩu đứng tên chủ hộ bà Trần Thị L.

- Bản sao chứng minh nhân dân mang tên bà Trần Thị L.

- Biên bản lấy lời khai của đương sự ông Lê Văn C của Tòa án nhân dân thành phố C1 ngày 16/01/2019.

- Biên bản xác minh của Tòa án nhân dân thành phố C1 tại Công an xã C, thành phố C1 ngày 22/02/2019.

- Biên bản xác minh của Tòa án nhân dân thành phố C1 tại Công an phường C, thành phố C1 ngày 19/3/2019.

- Quyết định công nhận thuận tình ly hôn số 14/2009/QĐST-HNGĐ ngày 25/6/2009 của Tòa án nhân dân thành phố C1.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, đề nghị của kiểm sát viên. Hội đồng xét xử nhận định:

[**1**]. Về thủ tục tố tụng:

[1.1]. Về quan hệ pháp luật tranh chấp: Bà Trần Thị L có đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án nhân dân thành phố Cam Ranh giải quyết buộc bà Trần Thị H và ông Lê Văn C phải trả ngay số tiền nợ vay. Theo quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a Khoản 1 Điều 35 của Bộ luật tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền của Tòa án nhân dân thành phố C1.

[1.2]. Về sự vắng mặt của người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn và bị đơn: Tại phiên tòa vắng mặt bị đơn bà Trần Thị H và ông Lê Văn C nhưng đã được Tòa án triệu tập đến lần thư hai. Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn là bà Nguyễn Thị Minh T có đơn xin xét xử vắng mặt. Do đó căn cứ vào Khoản 2 Điều 227, Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn bà Trần Thị H, ông Lê Văn C và người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn là bà Nguyễn Thị Minh T.

[2]. Về nội dung vụ án:

Theo chứng cứ nguyên đơn cung cấp thể hiện: Vào các ngày 21/6/2017 (ngày 27/5/2017 âm lịch), ngày 25/6/2017 (ngày 02/6/2017 âm lịch), ngày 02/7/2017 (ngày 09/6/2017 âm lịch), ngày 04/7/2017 (ngày 11/6/2017 âm lịch), ngày 05/9/2017 (ngày 15/7/2017 âm lịch), bà Trần Thị H có vay tiền của bà Trần Thị L để nuôi trồng thủy sản với số tiền vay là 138.000.000 đồng (*một trăm ba mươi tám triệu đồng*). Việc vay tiền được thể hiện tại các giấy mượn tiền có chữ ký và chữ viết của bà Trần Thị H. Việc vay tiền và viết giấy mượn tiền được bà H xác nhận là đúng sự thật nên bản gốc của giấy mượn tiền đề ngày 21/6/2017 (ngày 27/5/2017 âm lịch), ngày 25/6/2017 (ngày 02/6/2017 âm lịch), ngày 02/7/2017 (ngày 09/6/2017 âm lịch), ngày 04/7/2017 (ngày 11/6/2017 âm lịch) và ngày 05/9/2017 (ngày 15/7/2017 âm lịch) là tài liệu, chứng cứ của vụ án.

Bà H và ông C đều thừa nhận ông C không có liên quan gì đến việc vay tiền giữa bà H và bà L. Ông C và bà H đã ly hôn từ ngày 25/6/2009 theo Quyết định công nhận thuận tình ly hôn số 14/2009/QĐST-HNGĐ của Tòa án nhân dân thành phố C1, hiện nay bà H không sống chung với ông C. Mặt khác, bà H xác nhận một mình bà H vay của bà L toàn bộ số tiền 138.000.000 đồng và chịu trách nhiệm trả toàn bộ số nợ này cho bà L. Do đó, có cơ sở xác định giữa bà Trần Thị L và bà Trần Thị H có giao kết hợp đồng vay tài sản với nhau đối với toàn bộ số tiền 138.000.000 đồng, ông Lê Văn C không biết bà Trần Thị L và ông không có quan hệ vay mượn tài sản gì với bà L.

Các giấy mượn tiền đều không thỏa thuận về lãi suất, không thỏa thuận về thời hạn trả nợ. Cho đến nay bà H không thực hiện nghĩa vụ thanh toán cho bà L, bà L đã nhiều lần đến gặp bà H yêu cầu trả hết số nợ trên, nhưng bà H cứ lẩn tránh không chịu trả gây khó khăn cho bà L. Bà H đồng ý trả cho bà L toàn bộ số tiền 138.000.000 đồng nhưng yêu cầu được thanh toán theo phương án: Tháng 8/2019 (âm lịch) thanh toán 50.000.000đ (năm mươi triệu đồng); số tiền còn lại bà H sẽ trả dần, yêu cầu này của bà H không được nguyên đơn chấp thuận, nguyên đơn yêu cầu bà H phải trả ngay toàn bộ số tiền cho bà L. Xét thấy, việc vay tài sản đã kéo dài một thời gian khá dài nhưng việc bị đơn không có thiện chí trả nợ đã làm thiệt hại đến quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn. Do đó, yêu cầu của nguyên đơn và người đại diện hợp pháp của nguyên đơn đề nghị hội đồng xét xử buộc bà Trần Thị H có nghĩa vụ phải trả một lần toàn bộ số nợ gốc 138.000.000 đồng theo các giấy mượn tiền đề ngày 21/6/2017 (ngày 27/5/2017 âm lịch), ngày 25/6/2017 (ngày 02/6/2017 âm lịch), ngày 02/7/2017 (ngày 09/6/2017 âm lịch), ngày 04/7/2017 (ngày 11/6/2017 âm lịch) và ngày 05/9/2017 (ngày 15/7/2017 âm lịch) cho bà L là phù hợp với quy định của pháp luật nên chấp nhận.

Về tiền lãi: Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn không yêu cầu bà Trần Thị H phải trả tiền lãi nên hội đồng xét xử không xem xét.

[3]. *Về án phí:* Bà Trần Thị H phải chịu án phí Dân sự sơ thẩm về tranh chấp hợp đồng dân sự theo quy định của pháp luật là: 138.000.0000 đồng x 5% = 6.900.000 đồng.

Hoàn trả lại cho bà Trần Thị L số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 3.450.000 *(Ba triệu bốn trăm năm mươi ngàn đồng)* theo biên lai thu tiền số AA/2018/0000165 ngày 13/12/2018 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố C1.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Áp dụng Điều 26; Điều 35; khoản 1 Điều 147; Điểm b Khoản 2 Điều 227; Điều 228; Điều 271; Điều 273 Bộ luật Tố tụng Dân sự;

- Áp dụng Điều 463, 466 Bộ luật Dân sự;

- Áp dụng Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Tuyên xử:

[1]. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn: Buộc bà Trần Thị H phải trả ngay cho bà Trần Thị L với số tiền là 138.000.000 đồng (một trăm ba mươi tám triệu đồng).

[2]. *Về án phí:* Bà Trần Thị H phải chịu án phí Dân sự sơ thẩm về "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản" theo quy định của pháp luật là 6.900.000đ (sáu triệu chín trăm nghìn đồng).

Hoàn trả cho bà Trần Thị L số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 3.450.000đ *(Ba triệu bốn trăm năm mươi ngàn đồng)* theo biên lai thu tiền số AA/2018/0000165 ngày 13/12/2018 của Chi cục thi hàng án dân sự thành phố C1.

[3]. Quy định: Kể từ ngày Bản án có hiệu lực pháp luật (đối với trường hợp Cơ quan Thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án (đối với các khoản tiền phải thi hành án cho người được thi hành án) mà chưa thi hành án xong tất cả các khoản tiền, thì hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

Trường hợp Quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án; quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

[4]. *Quyền kháng cáo:* Nguyên đơn bà Trần Thị L, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn là bà Nguyễn Thị Minh T, bị đơn Trần Thị H, ông Lê Văn C có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:
- *TAND tỉnh Khánh Hòa;*
- *VKSND tỉnh Khánh Hòa;*
- *VKSND TP C1;*
- *THADS TP C1;*
- *Các đương sự;*
- *Lưu hồ sơ, án văn.*

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Trương Văn Vương